

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-KCNC ngày tháng 4 năm 2026
của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Danh mục CTNH	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
01	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính	16 01 06	NH	50
02	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, bao tay, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	KS	200
03	Bao bì mềm (đã chứa chất thải khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	KS	120
04	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất thải khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	KS	200
05	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất thải khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	KS	150
06	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	08 02 01	KS	400
07	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng nguy hại)	16 01 13	NH	100
08	Natri hydroxit, amoni hydroxit, kali hydroxit, canxi hydroxi thải và bã thải có chứa natri hydroxit, amoni hydroxit, kali hydroxit	02 02 01	NH	1.000

STT	Danh mục CTNH	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
09	Các loại dịch cái thải từ quá trình chiết tách (<i>mother liquor</i>), dung dịch tẩy rửa và dung môi hữu cơ khác	03 07 03	NH	1.000
10	Thủy tinh, nhựa và gỗ thải có hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại	11 02 01	KS	300
11	Axit sunfuric, axit sunfuro thải	02 01 01	NH	200
12	Axit photphoric, axit photphoro thải	02 01 04	NH	200
13	Axit nitric, axit nitro thải	02 01 05	NH	200
14	Các loại axit thải khác	02 01 06	NH	200
15	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	KS	2.000
Tổng (kg/năm)				6.320

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT) phát sinh:

STT	Nhóm CTRCNTT	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	TT-R	200
2	Hộp chứa mực in (loại không có thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất như mực in văn phòng, sách báo)	TT	20
3	Bùn bề tự hoại phát sinh từ các nhà vệ sinh của Cơ sở	TT	3.000
4	Gỗ (Pallet thải không dính thành phần nguy hại)	TT-R	180
Tổng (kg/năm)			3.400

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) phát sinh:

TT	Nhóm chủng loại CTRSH	Đề nghị cấp phép (tấn/năm)
01	Nhóm chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế (giấy, nhựa, kim loại, cao su, ni lông, thủy tinh,...)	100

TT	Nhóm chủng loại CTRSH	Đề nghị cấp phép (tấn/năm)
02	Chất thải rắn sinh hoạt hữu cơ (nhóm thức ăn thừa, lá cây, rau củ,...)	
03	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại (không bao gồm chất thải nguy hại)	
Tổng khối lượng		100

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Diện tích kho lưu chứa CTNH: 10 m²

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa chất thải nguy hại được bố trí có sàn bê tông láng xi măng, tường bao bằng tôn, có gờ chống tràn chất thải ra ngoài để phòng trường hợp xảy ra sự cố tràn đổ chất thải đang lưu chứa trong phòng chứa, có mái che, có biển cảnh báo; lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy, vật dụng phòng chống sự cố tràn đổ để ứng phó khi có sự cố xảy ra, đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích kho lưu chứa: 10 m²

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường được bố trí đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Diện tích khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt: 6 m²

- Thiết kế, cấu tạo: Cơ sở bố trí 4 thùng chứa với dung tích là 240L/thùng có nắp đậy tại khu vực tập kết. Trên các thùng chứa có các nhãn dán phân chia, tại khu vực lưu chứa có dán nhãn dán phân loại.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Tăng diện tích bố trí kho chứa trong trường hợp không đủ diện tích lưu chứa.

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025.

- Bố trí phương tiện, thiết bị, bao bì để phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định của chính quyền địa phương và chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển xử lý đối với chất thải phát sinh tại cơ sở theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo tần suất thu gom.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn theo quy định.

4. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**